

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên theo triều, khu vực nội đồng mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất ngày 03/02 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 30-45cm. Mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-40cm, thấp hơn TBNN từ 10-20cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh do ảnh hưởng triều và nước dâng, mực nước cao nhất ngày 03/02 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 30-75cm. Mực nước thấp nhất hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 15-20cm và thấp hơn TBNN từ 05-10cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 03/02 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-35cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 03/02 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 77cm, lên 05cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm theo xu thế triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống nhanh theo triều trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi trong 2 đến 3 ngày đầu, sau đó xuống chậm trong những ngày tiếp theo

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 05/02/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 03/02						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			04/2	05/2	06/2	07/2	08/2	04/2	05/2	06/2	07/2	08/2
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	25	32	-15	179	39	48	173	165	161	155	151	31	32	34	39	33
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	0	20	-7	184	33	58	176	166	160	154	150	5	7	10	15	7
Hậu	Khánh An	420	470	520	76	39	6	164	44	32	160	154	148	144	140	80	79	81	86	79
	Châu Đốc	300	350	400	13	20	-17	190	34	35	184	176	171	167	163	18	20	22	27	22
	Long Xuyên	190	220	250	2	16	10	204	38	76	196	186	180	175	170	8	10	13	20	11
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	3	20	-11	187	33	57	180	170	164	158	154	9	11	14	22	14
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	26	18	-2	57	19	6	61	62	60	59	57	29	31	31	29	27
	Vĩnh Gia	200	240	280	33	14	2	37	10	2	40	42	41	40	39	35	38	38	37	35
	Vĩnh Điều	170	200	230	41	12	1	45	10	-1	48	50	49	48	47	43	46	47	46	44
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	39	8	2	44	7	0	47	49	48	47	46	41	44	45	44	42
T5	Nông Trường	160	190	220	49	10	7	54	8	4	57	59	58	57	56	51	54	55	54	52
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	36	19	8	71	26	19	73	74	72	70	67	38	41	42	41	39
	Cô Tô	140	180	220	59	19	20	79	23	30	82	84	83	82	81	61	64	65	64	62
	Nam Thái Sơn	90	120	150	52	10	-	62	11	-	65	67	66	65	64	54	57	58	57	55
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	32	14	9	40	13	11	43	45	44	43	42	34	37	38	37	35
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	74	17	26	93	20	29	99	98	95	92	88	77	80	81	79	76
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	78	26	22	134	35	43	136	134	132	130	127	81	83	84	83	81
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	64	16	10	91	20	17	97	96	93	90	86	67	70	71	69	66
	Tân Thành	120	150	180	61	16	16	73	16	13	75	73	71	69	66	63	64	65	63	61
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	44	8	11	55	11	7	57	57	55	53	51	46	47	45	43	40
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	15	2	20	38	7	-2	39	39	38	37	36	14	12	13	14	15
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-16	11	7	77	26	25	75	70	65	60	54	-18	-16	-13	-8	-3

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





